

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào các điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 403/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Phường P, Quận B, Thành phố H

2/ Ông Nguyễn Sơn T; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Phường P, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T được xác lập vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và

yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung họ tên là: Nguyễn Kim C, giới tính: Nữ, sinh ngày: 11/8/2014 và Nguyễn Ngọc K, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/5/2016; Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông Nguyễn Sơn T cấp dưỡng nuôi con khoản tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng (5.000.000 đồng/1 con/ tháng) thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi 02 con chung họ tên là: Nguyễn Kim C, giới tính: Nữ, sinh ngày: 11/8/2014 và Nguyễn Ngọc K, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/5/2016 đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Sơn T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng mà các bên đã thỏa thuận thì kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Sơn T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Sơn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị T không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Nguyễn Sơn T.

[4] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Cả hai tự khai không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

[7] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2013 quyền 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12 cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013).

- Về con chung: Có 02 con chung họ tên là: Nguyễn Kim C, giới tính: Nữ, sinh ngày: 11/8/2014 và Nguyễn Ngọc K, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/5/2016; Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông Nguyễn Sơn T cấp dưỡng nuôi con khoản tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng (5.000.000 đồng/1 con/ tháng) thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi 02 con chung họ tên là: Nguyễn Kim C, giới tính: Nữ, sinh ngày: 11/8/2014 và Nguyễn Ngọc K, giới tính: Nữ, sinh ngày 25/5/2016 đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Sơn T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng mà các bên đã thỏa thuận thì kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Sơn T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Sơn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị T không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Nguyễn Sơn T.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thoả thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Sơn T và bà Nguyễn Thị T cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: AA/2021/0013610 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ TK Thơm (10).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Viết Bình